| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LỤC YÊN**<br>**TỈNH YÊN BÁI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:09/2023/DS-ST
Ngày 01 - 8 - 2023
*V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
***Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà***: Ông **Nguyễn Đỗ Quỳnh**
***Các Hội thẩm nhân dân***:
1. Bà Triệu Thị Th Hoàn;
2. Bà Vũ Thị Hồng.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trần Mạnh Hùng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viên kiểm sát nhân dân*** *huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà*: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2022/TLST- TCDS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về Tranh chấp chia di sản thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-TCDS ngày 12 tháng 6 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2023/QĐST-TCDS ngày 07 tháng 7 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 05/2023/TB-TA ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Thôn H, xã Ph, huyện LY, tỉnh YB.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: anh Bế Văn N, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn H, xã Ph, huyện LY, tỉnh YB; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Hoàng Kim V, sinh năm 1983; chị Hứa Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn H, xã Ph, huyện LY, tỉnh YB; có mặt.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Anh Hoàng Văn Th, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn H, xã Ph, huyện LY, tỉnh YB; có mặt.

3.2. chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn H, xã Ph, huyện LY, tỉnh YB; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.3. chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn H, xã Ph, huyện LY, tỉnh YB; vắng mặt.

3.4. Ủy ban nhân dân xã Phan Thanh, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái: Đại diện theo ủy quyền bà Tăng Thị S, Công chức địa chính xây dựng; địa chỉ thôn Rầu Chang, xã Phan Thanh, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.5. ông Lương Văn T, ông Hoàng Văn K, anh Hoàng Văn Th, ông Vi Văn M.

Địa chỉ: Cùng trú tại thôn H, xã Ph, huyện LY, tỉnh YB; đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2022 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà Th và ông Hoàng Văn Slà vợ chồng, trong quá trình chung sống đã khai phá và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất tại thôn H, xã Ph, huyện LY, tỉnh YB.

Thửa đất số 985, tờ bản đồ số 1 diện tích 10.528 $m^2$ mục đích sử dụng đất rừng sản xuất; thửa số 38, tờ bản đồ số 2 diện tích 6.308 $m^2$ mục đích sử dụng đất rừng sản xuất; thửa số 42, tờ bản đồ số 2 diện tích 4.156 $m^2$ mục đích sử dụng đất rừng sản xuất; thửa đất có thứ tự vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 00610, diện tích 192 $m^2$ có mục đích sử dụng là đất ở; thửa đất có thứ tự vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 00610, diện tích 701 $m^2$ có mục đích sử dụng đất vườn tạp.

Ngày 01 tháng 5 năm 2016 ông Hoàng Văn S chết, bà Th sống cùng với vợ chồng con trai út là anh Hoàng Kim V, chị Hứa Thị H xảy ra mâu thuẫn, đến đầu năm 2022 bà Th chuyển đến ở cùng con cả là anh Hoàng Văn Th, cùng thôn H, xã Ph, huyện LY, tỉnh YB. Khi không ở cùng anh Văn, chị H nữa bà Th yêu cầu vợ chồng anh chị Văn, Hòa chia một phần diện tích đất nhưng cả hai không đồng ý chia cho bà Th, bà Th đã có đơn yêu cầu Ủy ban xã Ph, huyện LY, tỉnh YB giải quyết nhưng các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ kiện.

Bà Th yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia di sản thừa kế là các diện tích đất nêu trên, tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 28 tháng 11 năm 2022 bà Th yêu cầu

được chia thửa đất số 985, tờ bản đồ số 1 diện tích 10.528 $m^2$ mục đích sử dụng đất rừng sản xuất; diện tích đất lúa diện tích khoảng 336 $m^2$ ; một phần diện tích đất vườn có chiều rộng theo mặt đường 8 m tiếp giáp đường liên thôn, chiều dài từ đường giao thông tiếp giáp đến ruộng lúa (tính theo chiều dài của phần đất ở và đất vườn).

Tại bản tự khai, cũng như tại phiên hòa giải bị đơn anh Hoàng Kim V, chị Hứa Thị H trình bày: Ông Hoàng Văn S, bà Hoàng Thị Th quá trình chung sống đã tạo dựng được tài sản là quyền sử dụng đất gồm thửa đất số 985, tờ bản đồ số 1 diện tích 10.528 $m^2$ mục đích sử dụng đất rừng sản xuất; thửa số 38, tờ bản đồ số 2 diện tích 6.308 $m^2$ mục đích sử dụng đất rừng sản xuất; thửa số 42, tờ bản đồ số 2 diện tích 4.156 $m^2$ mục đích sử dụng đất rừng sản xuất; thửa đất có thứ tự vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 00610, diện tích 192 $m^2$ có mục đích sử dụng là đất ở; thửa đất có thứ tự vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 00610, diện tích 701 $m^2$ có mục đích sử dụng đất vườn tạp; diện tích đất lúa diện tích khoảng 336 $m^2$. Anh Văn, chị H không đồng ý với yêu cầu của bà Th về phần đất được chia thửa đất số 985, tờ bản đồ số 1 diện tích 10.528 $m^2$ mục đích sử dụng đất rừng sản xuất; diện tích đất lúa diện tích khoảng 336 $m^2$; một phần diện tích đất vườn có chiều rộng theo mặt đường khoảng 8m tiếp giáp đường liên thôn, chiều dài từ đường giao thông tiếp giáp đến ruộng lúa (tính theo chiều dài của phần đất ở và đất vườn).

Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn Th trình bày: Ông Hoàng Văn S, bà Hoàng Thị Th quá trình chung sống đã tạo dựng được tài sản là quyền sử dụng đất gồm thửa đất số 985, tờ bản đồ số 1 diện tích 10.528 $m^2$ mục đích sử dụng đất rừng sản xuất; thửa số 38, tờ bản đồ số 2 diện tích 6.308 $m^2$ mục đích sử dụng đất rừng sản xuất; thửa số 42, tờ bản đồ số 2 diện tích 4.156 $m^2$ mục đích sử dụng đất rừng sản xuất; thửa đất có thứ tự vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 00610, diện tích 192 $m^2$ có mục đích sử dụng là đất ở; thửa đất có thứ tự vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 00610, diện tích 701 $m^2$ có mục đích sử dụng đất vườn tạp; diện tích đất lúa diện tích khoảng 336 $m^2$ ông Sơn đã chết năm 2016. Anh Th đồng ý với yêu cầu của bà Th về phần đất được chia thửa đất số 985, tờ bản đồ số 1 diện tích 10.528 $m^2$ mục đích sử dụng đất rừng sản xuất; diện tích đất lúa diện tích khoảng 336 $m^2$ ; một phần diện tích đất vườn có chiều rộng theo mặt đường 8 m tiếp giáp đường liên thôn, chiều dài từ đường giao thông tiếp giáp đến ruộng lúa (tính theo chiều dài của phần đất ở và đất vườn), yêu cầu Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Th trình bày: Bố chị Th là ông Sơn đã chết năm 2016 không để lại di chúc, các di sản mà ông Sơn để lại như các bên đương sự trình bày là đúng thực tế, chị Th đã đi lấy chồng từ năm

1992 hiện có cuộc sống ổn định, chị là hàng thừa kế thứ nhất, nhưng từ chối hưởng di sản thừa kế, yêu cầu Tòa án chia di sản cho bà Th theo như yêu cầu khởi kiện bảo đảm quyền lợi cho các đương sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Th trình bày: Bố chị Th là ông Sơn đã chết năm 2016 không để lại di chúc, các di sản mà ông Sơn để lại như các bên đương sự trình bày là đúng thực tế, chị Th đã đi lấy chồng từ năm 1992 hiện có cuộc sống ổn định, chị là hàng thừa kế thứ nhất, nhưng từ chối hưởng di sản thừa kế, yêu cầu Tòa án chia di sản cho bà Th theo như yêu cầu khởi kiện bảo đảm quyền lợi cho các đương sự.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã Phan Thanh, huyện Lục Yên bà Tăng Thị S trình bày: Đất ở đất, đất vườn, đất rừng thửa 985 có nguồn gốc do ông Sơn, bà Th khai phá và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đối với thửa số 3 theo sơ đồ xem xét, thẩm định ngày 14 tháng 4 năm 2023 là đất lúa thuộc thửa số 8 tờ bản đồ số 53 theo sổ mục kê mang tên ông Hoàng Kim V, do thời điểm đo đất ông Hoàng Kim V là người dẫn đi đo xác định ranh giới, thực tế là đất của bà Hoàng Thị Th, ông Hoàng Văn Shiện tại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất ở đất, đất vườn, đất rừng thửa 985; đất lúc thửa số 3 hiện tại không có tranh chấp, không thuộc quy hoạch, bị thu hồi theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Người có quyền lợi liên quan ông Lương Văn T, ông Hoàng Văn K, anh Hoàng Văn Th, ông Vi Văn M trình bày: Sau khi được tiếp cận kết quả sơ đồ xem xét, thẩm định ngày 14 tháng 4 năm 2023 đều xác nhận ranh giới mốc giới theo sơ đồ thẩm định là đúng thực tế sử dụng đất việc có sợ trồng lấn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa phù hợp. Ranh giới sử dụng đất là ranh giới lịch sử từ trước thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay vẫn sử dụng như vậy các hộ gia đình sử dụng đất và không có tranh chấp, cây trên phần diện tích đất 4,8 $m^2$ , 160 $m^2$ , 49,8 $m^2$ là do anh Văn, chị H trồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải nhưng các bên không thống nhất được với nhau về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu và quan điểm của mình, nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế, chia tài sản chung và được sử dụng diện đất lúa thửa số 3 diện tích 252,1 $m^2$ , đất vườn 310 $m^2$; đất rừng sản xuất thửa 985 diện tích 5.363,0 $m^2$. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý chia di sản thừa kế, cũng như tài sản trên đất. Người có quyền lợi nghĩ vụ liên quan yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật bảo đảm cho quyền lợi của các bên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tỉnh Yên Bái phát biểu việc tuân theo pháp luật và nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ kiện Thẩm

phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử và tại phiên tòa. Chị Thùy không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự còn lại thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng

Về nội dung vụ án: Từ những thiếu sót trên Kiểm sát viên đề Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập chứng cứ và lấy lời khai của bị đơn để làm rõ tại sao có phần đất vườn tăng thêm mà lại đứng tên anh Văn, anh Văn có công tôn tạo không; Xác minh làm rõ ngoài bà Th ra ,ông Sơn còn chung sống với ai không, có con riêng, con nuôi, bố mẹ nuôi hay không.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có quyền khởi kiện vụ án theo quy định tại Điều 186; Toà án thụ lý và giải quyết vụ án xác định mốt quan hệ pháp luật tranh chấp chia di sản thừa kế; về thẩm quyền theo lãnh thổ nơi có bất động sản, được quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ý kiến bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tài liệu chứng cứ: Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp khi khởi kiện, đã được tiếp cận công khai theo quy định của pháp luật là 01 bản sao trích lục khai tử ngày 20 tháng 4 năm 2022 xác nhận ông Hoàng Văn S, sinh năm 1950 đã chết ngày 01 tháng 5 năm 2016; 01 giấy xác nhận ngày 24 tháng 11 năm 2022 và xác nhận ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện LY, tỉnh YB căn cứ sổ mục kê, sổ địa chính, danh sách cấp đất lưu tại Ủy ban nhân dân xã.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp có thể khẳng định bà Th, ông Sơn là vợ chồng trong quá trình chung số đã tạo dựng được các tài sản chung là quyền sử dụng đất gồm thửa đất số 985, tờ bản đồ số 1 diện tích 10.528 $m^2$ mục đích sử dụng đất rừng sản xuất; thửa số 38, tờ bản đồ số 2 diện tích 6.308 $m^2$ mục đích sử dụng đất rừng sản xuất; thửa số 42, tờ bản đồ số 2 diện tích 4.156 $m^2$ mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, ba thửa đất rừng đều được cấp ngày 18 tháng 12 năm 2008; thửa đất có thứ tự vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 00610, diện tích 192 $m^2$ ngày cấp 26 tháng 5 năm 2001 có mục đích sử dụng là đất ở; thửa đất có thứ tự vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 00610, diện

tích 701 $m^2$ có mục đích sử dụng đất vườn tạp ngày cấp 26 tháng 5 năm 2001; diện tích đất lúa diện tích khoảng 336 $m^2$, năm 2016 ông Sơn chết không để lại di chúc, bà Th yêu cầu chia di sản thừa kế và tài sản chung vợ chồng các tài sản này đang do anh Văn, chị H sử dụng. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu định giá tài sản chia di sản thừa kế là đất rừng thửa số 985, đất ở thửa số 1, đất vườn thửa số 2, đất lúa thửa số 3 và toàn bộ tài sản trên đất.

Bị đơn thừa nhận các tài sản theo yêu cầu của nguyên đơn có nguồn gốc là tài sản của bà Th, ông Sơn anh Văn, chị H không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn việc trả lại phần đất là tài sản chung vợ chồng bà Th, ông Sơn không đồng ý việc chia di sản thừa kế, nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho phản đối của mình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng ý với quan điểm của nguyên đơn việc được chia tài sản là quyền sử dụng đất vì quyền sử dụng đất là tài sản chung của bà Th, ông Sơn. Đối với các hộ sử dụng đất liền kề với thửa đất số 985 đất rừng đều thừa nhận ranh giới sử dụng đất của nhau, bà Th không có ý kiến gì và các bên không có tranh chấp và thừa nhận ranh giới lịch sử trên thực tế được sử dụng ổn định từ trước đến nay.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án xác minh thu thập chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ.

Tòa án đã thu thập chứng cứ, quyết định xem xét, thẩm định. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14 tháng 4 năm 2023 xác định được như sau:

- Thửa số 985 ranh giới, mốc giới do bà Th, anh Th xác định: Từ điểm A1 đến A2 giáp đất ông Hoàng Văn S; từ điểm A2 đến A12 giáp đất ông Hoàng Văn Ca; từ điểm A12 đến A13 giáp đất ông Hoàng Văn Th; từ điểm A13 đến A16 giáp đất ông Vi Văn M; từ điểm A16 đến A1 giáp đất ông Hoàng Văn Tùng *(Có sơ đồ kèm theo).*

Diện tích là 5.577,7 $m^2$.

- Thửa số 38 ranh giới, mốc giới do bà Th, anh Th xác định: Từ điểm A1 đến điểm A2 giáp đất Hoàng Thị Chanh; từ điểm A2 đến điển A3 giáp thửa đất số 42; Từ điểm A3 đến điển A5 giáp đất Hoàng Văn Th; Từ điểm A5 đến điểm A6 giáp hồ Thác Bà; Từ điểm A6 đến điểm A8 giáp đất Hoàng Minh Út *(Có sơ đồ kèm theo).*

Diện tích là 4.297,8 $m^2$.

- Thửa số 42 ranh giới, mốc giới do bà Th, anh Th xác định: Từ điểm A1 đến điểm A9 giáp đất Hoàng Thị Chanh; từ điểm A9 đến điểm A14 và điểm A3 giáp đất Hoàng Văn Th; Từ điểm A3 đến điểm A2 giáp thửa đất số 38 *(Có sơ đồ kèm theo).*

Diện tích là 2.704,2 $m^2$.

- Đất ở thửa số 1 ranh giới do bà Th xác định như sau: Từ điểm A8 đến điểm A11 giáp thửa đất số 2, nằm trong thửa đất số 2 đất vườn *(Có sơ đồ kèm theo)*.

Diện tích là 253,5 $m^2$.

- Thửa số 2 đất vườn ranh giới do bà Th xác định: Từ điểm A1 đến điểm A4 giáp đất Hoàng Kim V; Từ điểm A4 đến A7 giáp đường liên thôn; Từ điểm A7 đến A1 giáp đất Hoàng Văn Th *(Có sơ đồ kèm theo)*.

Diện tích là 1.151,1 $m^2$.

- Thửa đất số 3 đất lúa ranh giới do bà Th xác định: Từ điểm A8 đến điểm A9 giáp đất Hoàng Văn Tuấn; Từ điểm A10 đến A11 giáp đất Hoàng Văn Ca; Từ điểm A11 đến A12 giáp đất Hoàng Văn Trình; Từ điểm A12 đến điểm A8 giáp đất Lương Văn T *(Có sơ đồ kèm theo)*.

- Diện tích là 452,1$m^2$.

Về tài sản trên đất: Thửa đất 985 gồm cây Trẩu, Xoan chanh, Bồ đề, Trám, Cọ số lượng như sau: Xoan chanh 20 cây khoảng 10 năm tuổi; Trám 01 cây khoảng 15 năm tuổi; Trẩu 50 cây khoảng 6 năm tuổi; Bồ đề 1.000 cây khoảng 6 năm tuổi, Cọ 200 cây. Thửa số 38 có 1.880 cây Trẩu khoảng 5 năm tuổi. Thửa số 42 có 270 cây Trẩu khoảng 5 năm tuổi. Thửa đất ở thửa số 2 có một nhà sàn hai gian hai trái, mái lợp cọ, 01 nhà bếp, 01 công trình phụ xây kiên cố nhà sàn làm năm 1987, sửa chữa và làm lại năm 2014. Đất vườn thửa số 2 có 500 cây Quế khoảng hai năm tuổi; Mít 4 cây khoảng 3 năm tuổi, 3 cây mười năm tuổi, 4 cây 8 năm tuổi, 1 cây 5 năm tuổi; Soài 6 cây 3 năm tuổi, 3 cây 7 năm tuổi; Cây Vải 01 cây 4 năm tuổi, cây Bưởi 2 cây 5 năm tuổi, Tre 2 bụi mỗi bụi 30 cây.

Về nguồn gốc tài sản tất cả các loại cây lâm nghiệp thuộc thửa đất 985, 34, 42 do anh Văn, chị H trồng; Tài sản là nhà, bếp, công trình phụ, và cây trên phần đất vườn là tài sản chung của bà Th, anh Văn , chị H; phần đất lúa có lúa do bà Th cấy.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không thống nhất được với nhau về giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nguyên đơn đã yêu cầu định giá tài sản chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế là đất rừng thửa số 985, đất ở thửa số 1, đất vườn thửa số 2, đất lúa thửa số 3 và toàn bộ tài sản trên đất, Tòa án đã thành lập Hội đồng định giá, kết quả xác định được giá trị tại thời điểm định giá ngày 24 tháng 5 năm 2023 như sau:

Về giá trị quyền sử dụng đất: Đất ở thửa số 1 = 253,5 $m^2$ x 120.000 đồng = 30.420.000 đồng; đất vườn thửa số 2 = 1.151,1 $m^2$ x 28.000 đồng = 32.230.800 đồng; đất lúa thửa số 3 = 452,1 $m^2$ x 38.000 đồng = 17.179.800 đồng; đất rừng sản xuất thửa số 985 = 5.557,7 $m^2$ x 12.000 đồng = 66.932.400 đồng.

Tổng giá trị 4 thửa đất là 30.420.000 đồng + 32.230.800 đồng + 17.179.800 đồng + 66.932.400 đồng = **146.763.000 đồng.**

Đối với tài sản trên đất: Tài sản thuộc thửa đất ở là 01 nhà sàn hai gian hai trái diện tích 142,8 $m^2$ x 654.900 đồng = 93.519.720 đồng; 01 bếp diện tích 41,8 $m^2$ x

1.136.900 đồng = 24.781.426 đồng; 01 công trình phụ diện tích 26,6 $m^2$ = 23.003.960 đồng; 01 chuồng lợn xây diện tích 30,3 $m^2$ x 298.900 đồng = 9.056.670 đồng, tổng cộng = **150.362.000 đồng.**

Cây trên thửa đất số 2 đất vườn 500 cây Quế = 5.000.000 đồng, 12 cây Mít = 3.000.000 đồng, 09 cây Xoài = 1.860.000 đồng, 07 cây Xoan = 100.000 đồng, 01 cây Vải = 350.000 đồng, 02 cây Bưởi bằng 1.370.000 đồng, 02 bụi Tre = 480.000 đồng, tổng cộng = **12.160.000 đồng.**

Cây trồng trên thửa đất rừng thửa 985 gồm Xoan chanh = 1.000.000 đồng, Bồ đề = 20.000.000 đồng , Trẩu = 1.000.000 đồng , Trám = 6.000.000 đồng, Cọ = 16.000.000 đồng, tổng cồng = **44.000.000 đồng.**

[4] Căn cứ chấp nhận, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện LY, tỉnh YB về nguồn gốc tài sản của ông Hoàng Văn Svà bà Hoàng Thị Th là quyền sử dụng đất, trên cơ sở thừa nhận của các đương sự trong vụ án và biên bản xác minh tại thôn Hốc Xả, xã Phan Thanh đều xác định diện tích đất ở thửa số 1, đất vườn thửa số 2, đất lúa thửa số 3, đất rừng thuộc thửa số 985 là tài sản chung của ông Sơn bà Th, ông Sơn chết năm 2016 về thời hiệu yêu cầu chia thừa kế là 30 năm đối với bất động sản theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015; ông Sơn chết không để lại di chúc, di sản của ông Sơn để lại được chia theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015; xét nguồn gốc tài sản gồm 4 thửa đất nêu trên là tài sản chung vợ chồng do đó bà Th được chia 1/2 giá trị quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; phần 1/2 giá trị còn lại được xác định là di sản thừa kế và được chia cho hàng thừa kế thứ nhất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015; hàng thừa kế thứ nhất gồm bà Th, anh Th, chị Thùy, chị Th, anh Văn. Chị Th từ chối hưởng di sản thừa ký nên hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản sẽ là 4 người. Đối với tài sản trên đất gồm nhà, bếp, công trình phụ, cây trồng trên đất vườn là tài sản chung của bà Th, anh Văn, chị H nên được chia cho ba người và theo phần bằng nhau về giá trị.

Từ những phân tích nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định việc bà Th khởi kiện là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu được chia phần đất rừng thuộc thửa số 985 diện tích 5.363,0 $m^2$, đất lúa diện tích 452,1 $m^2$ và đất vườn diện tích 1.212,6 $m^2$ của bà Th là phù hợp với quy định của pháp luật, phần ngôi nhà, bếp và công trình phụ do việc chia trên thực tế (bằng hiện vật) không thực hiện được do đó anh Văn, chị H tiếp tục sử dụng tài sản chung này và thanh toán tiền cho bà Th. Đối với phần cây trên diện tích đất rừng do chưa đến tuổi khai thác việc thu dọn cây sẽ ảnh hưởng đến giá trị tài sản nên bà Th có nghĩa vụ thanh toán tiền cây trồng trên đất cho anh Văn, chị H.

**Giá trị quyền sử dụng đất yêu cầu chia và xác định là di sản thừa kế:**

Đất ở thửa số 1 = 192 $m^2$ x 120.000 đồng = 23.040.000 đồng; đất vườn thửa số 2 = 1.212,6 $m^2$ x 28.000 đồng = 33.952.800 đồng; đất lúa thửa số 3 = 452,1 $m^2$ x 38.000 đồng = 17.179.800 đồng; đất rừng sản xuất thửa số 985 = 5.362,8 $m^2$ x 12.000 đồng = 64.354.000 đồng.

Tổng giá trị 4 thửa đất là 23.040.000 đồng + 33.952.800 đồng + 17.179.800 đồng + 64.354.000 đồng = 138.526.600 đồng.

Giá trị tài sản là quyền sử dụng bà Th được chia sẽ là một nửa số tiền 138.526.600 đồng/2 = **69.263.300 đồng.**

Số tiền 69.144.300 đồng còn lại sẽ là di sản thừa kế của ông Sơn để lại được chia thành 4 phần thuộc hàng thừa kế gồm thứ nhất gồm bà Th, anh Th, anh Văn, chị Thùy **69.263.300** đồng/4 = **17.316.000 đồng.**

Tài sản trên đất ở và đất vườn bà Th được chia là một phần ba giá trị 150.362.000 đồng (giá trị nhà, bếp, công trình phụ, chuồng lợn) + 12.160.000 đồng (tiền cây trên đất vườn) = 162.522.000 đồng/3 = **54.174.000 đồng.**

Anh Văn, chị H xử dụng tài sản phải thanh toán số tiền chênh lệch cho bà Th sau khi trừ đi tiền cây trên thửa đất 985 là 44.000.000 đồng và tiền cây gồm 300 Quế = 3.000.000 đồng, 03 cây Mít (10 năm tuổi) = 1.050.000 đồng, 02 cây Xoan (3 năm tuổi) = 60.000 đồng trên thửa 2a đất vườn (3.000.000 đồng + 1.050.000 đồng + 60.000 đồng/3 = 1.370.000 đồng) số tiền 2.740.0000 đồng, xác định là 54.174.000 đồng - **(**44.000.000 đồng + 2.740.0000 đồng) = 7.434.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bà Th được chia = **69.263.300 đồng** + 54.174.000 đồng + 17.286.000 đồng = **140.723.300 đồng.**

Giá trị mà bà Th được chia bằng hiện vật là đất Lúa thửa số 3, đất rường thửa 985, đất vườn thửa số 2a = 17.179.800 đồng + 64.354.000 đồng + 8.680.000 đồng = **90.213.800 đồng.**

Giá trị quyền sử dụng đất mà anh Văn được chia bằng hiện vật là đất ở thuộc thửa số 1 diện tích 192 $m^2$ = 23.040.000 đồng, đất vườn thuộc thửa số 2 là 902,6 $m^2$ = 25.272.800 đồng, tổng giá trị là 48.312.800 đồng. Số tiền anh Văn được Hưởng theo kỷ phần là 17.316.000 đồng, do đó anh Văn phải thanh toán cho người không hưởng thừa kế là hiện vật số tiền = 30.996.800 đồng**.**

Bà Th có nghĩa vụ thanh toán cho người được hưởng di sản thừa kế không được chia bằng hiện vật số tiền 90.213.800 đồng – (69.263.300 đồng + 17.316.000 đồng) **= 3.634.500 đồng.**

Anh Văn có nghĩa vụ thanh toán cho chị Thùy số tiền 17.316.000 đồng, anh Th số tiền 13.681.000 đồng, bà Th có nghĩa vụ thanh toán cho anh Th số tiền 3.634.500 đồng.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tạm ngừng phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Phan Thanh, người đại diện theo ủy quyền của ủy ban nhân dân xã bà Tăng Thị

S, xác nhận của trưởng thôn Hốc Xả, lời khai của anh Hoàng Văn Th, lời khai của nguyên đơn phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu chứng. Do đó có đủ căn cứ để xét xử vụ án không phải tạm gừng phiên tòa.

[6] Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp các được sự phải chịu chi phí tố tụng trên phần giá trị tài sản được chia, theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Các đương sự chiu án phí có giá ngạch đối với phần tài sản được chia, bà Th là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, Điều 65, Điều 66 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 623, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 9 Điều 26, Điều 147, 157, 165, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 9 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Th về việc chia di sản thừa kế, phần tài sản trong khối tài sản chung.

2. Bà Hoàng Thị Th có quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất theo phần di sản được chia, phần tài sản chung vợ chồng và tài sản chung gồm:

Đất lúa thuộc thửa số 3 diện tích 452,1 $m^2$ trị giá 17.179.800 đồng; ranh giới thửa đất, từ điểm A1 đến điểm A4 giáp đất Hoàng Kim V; Từ điểm A4 đến A7 giáp đường liên thôn; Từ điểm A7 đến A1 giáp đất Hoàng Văn Th *(Có sơ đồ kèm theo).*

Đất rường sản xuất thuộc thửa số 985 diện tích 5.362,8 $m^2$ giá trị 64.354.000 đồng, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ranh giới, mốc giới do bà Th, anh Th xác định: Từ điểm A1 đến A2 giáp đất ông Hoàng Văn S; từ điểm A2 đến A12 giáp đất ông Hoàng Văn Ca; từ điểm A12 đến A13 giáp đất ông Hoàng Văn Th; từ điểm A13 đến A16 giáp đất ông Vi Văn M; từ điểm A16 đến A1 giáp đất ông Hoàng Văn Tùng *(Có sơ đồ kèm theo)*. Toàn bộ cây trên đất gồm Xoan chanh 20 cây khoảng 10 năm tuổi; Trám 01 cây khoảng 15 năm tuổi; Trẩu 50 cây khoảng 6 năm tuổi; Bồ đề 1.000 cây khoảng 6 năm tuổi, Cọ 200 cây; giá trị Xoan chanh = 1.000.000 đồng, Bồ đề = 20.000.000 đồng , Trẩu = 1.000.000 đồng , Trám = 6.000.000 đồng, Cọ = 16.000.000 đồng, tổng cồng = **44.000.000 đồng.**

Đất vườn thửa số 2a diện tích 310 m2 trị giá 8.680.000 đồng (trong đó có 245,4 m2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 64,4 m2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); ranh giới thửa đất như sau: giáp đất Hoàng Văn Th từ A1 đến A7 dài 27.7m, 7.2m; giáp thửa số 2 từ b1 đến b2 dài

37.7m; giáp đường bê tông A7 đến b2 dài 8.8m; giáp đất Hoàng Kim V từ A1 đến b1 dài 8.6m *(Có sơ đồ kèm theo).* Giá trị cây trên đất bằng **4.110.0000 đồng**, gồm 300 Quế = 3.000.000 đồng, 03 cây Mít (10 năm tuổi) = 1.050.000 đồng, 02 cây Xoan (3 năm tuổi) = 60.000 đồng. Tổng giá trị tiền cây trên đất 44.000.000 đồng + 2.740.0000 đồng = **48.110.000 đồng *(Bốn mươi tám triệu một trăm mười nghìn đồng).***

Tổng giá trị tài sản bà Th được chia bằng hiện vật là đất Lúa thửa số 3, đất rừng sản xuất trong thửa 985, đất vườn thửa số 2a = 17.179.800 đồng + 64.354.000 đồng + 8.680.000 đồng = **90.213.800 đồng *(Chín mươi triệu hai trăm mười ba nghìn tám trăm đồng).***

Được hưởng số tiền do anh Văn, chị H thanh toán tiền chênh lệch về tài sản số tiền **7.434.000 đồng *(Bảy triệu bốn trăm ba mười tư nghìn đồng chẵn).***

Bà Th có nghĩa vụ thanh toán cho anh Hoàng Văn Th số tiền **3.634.500 đồng *(Ba triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn năm trăm đồng).***

3. Anh Hoàng Kim V, chị Hứa Thị H có quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất gồm có:

Đất ở thuộc thửa số 1 diện tích 192 m2 giá trị 23.040.000 đồng; ranh giới thửa đất *(có sơ đồ kèm theo).*

Đất vườn tạp thuộc thửa số 2 diện tích 902,6 $m^2$ (trong đó có 455,6 m2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 447 m2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) giá trị 25.272.800 đồng ranh giới thửa đất từ điểm b1 đến b2 giáp thửa số 2a; từ b1 đến A2, A3 giáp đất Hoàng Kim V; từ A3, A4 giáp đất Hoàng Kim V; từ A4 đến A5, A6, b2 giáp đường bê tông *(có sơ đồ kèm theo).*

Giá trị quyền sử dụng đất ở 192 $m^2$ giá trị 23.040.000 đồng, đất vườn 902,6 $m^2$ bằng 25.272.800 đồng, tổng cộng số tiền 48.312.800 đồng ***(Bốn mươi tám triệu ba trăm mười hai nghìn tám trăm đồng).***

Tài sản trên đất gồm có: Thửa đất ở thửa số 1 có một nhà sàn hai gian hai trái, mái lợp cọ, 01 nhà bếp, 01 công trình phụ xây kiên cố (tổng giá trị 150.362.000 đồng). Đất vườn thửa số 2: Quế 200 cây; Mít 4 cây khoảng 3 năm tuổi, 2 cây 8 năm tuổi, 1 cây 5 năm tuổi; Soài 6 cây 3 năm tuổi, 3 cây 7 năm tuổi; Cây Xoan 04 cây 3 năm tuổi, 01 cây 6 năm tuổi; Cây Vải 01 cây 4 năm tuổi, cây Bưởi 2 cây 5 năm tuổi, Tre 2 bụi mỗi bụi 30 cây (tổng giá trị bằng 8.050.0000 đồng). Tổng giá trị công trình trên đất và tiền cây trên đất (150.362.000 đồng + 8.050.0000 đồng) bằng tổng giá trị bằng **158.412.000 đồng *(Một trăm năm mươi tám triệu bốn trăm mời hai nghìn đồng).***

Tổng giá trị tài sản gồm đất và tài sản trên đất là **206.724.800 đồng *(Hai trăm linh sáu triệu bảy trăm hai mươi tư nghìn tám trăm đồng).***

Anh Văn có nghĩa vụ thanh toán cho chị Thùy số tiền **17.316.000** đồng *(Mười bảy triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng),* Thanh Toán cho anh Hoàng Văn Th số tiền 13.681.000 đồng *(Mười ba triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn đồng).*

Anh Văn, chị H thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho bà Hoàng Thị Th số tiền 7.434.000 đồng *(Bảy triệu bốn trăm ba mười tư nghìn đồng chẵn).*

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả đến khi thi hành xong bản án.*

*Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.*

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Hoàng Thị Th phải nộp số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 17.543.000 đồng. Bị đơn (anh Văn, chị H), chị Thùy, anh Th mỗi người phải nộp 2.924.000 đồng tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận nguyên đơn đã nộp số tiền 23.390.000 đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bị đơn anh Văn, chị H phải thanh toán cho bà Th số tiền 2.924.000 đồng *(Hai triệu chín trăm hai mươi tư nghìn đồng)* đồng tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Anh Th, chị Thùy mỗi người phải thanh toán cho bà Th số tiền 2.924.000 đồng *(Hai triệu chín trăm hai mươi tư nghìn đồng)* tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Nguyên đơn đã nộp đủ tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

5. Về án phí: Bà Hoàng Thị Th phải nộp án phí chia di sản thừa kế số tiền 865.800 đồng *(Tám trăm sáu mươi năm nghìn tám trăm đồng)* và 6.166.000,đ *(Sáu triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản, nhưng được miễn toàn bộ án phí do là người cao tuổi. Anh Hoàng Kim V, chị Hoàng Thị Th, anh Hoàng Văn Th mỗi người phải nộp 865.800 đồng *(Tám trăm sáu mươi năm nghìn tám trăm đồng)* án phí chia thừa kế. Anh Hoàng Kim V, chị Hứa Thị H phải nộp 5.417.000 đồng (*Năm triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng)* án phí chia tài sản.

Nguyên đơn bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án đối với nội dung trực tiếp liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án đối với nội dung trực tiếp liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án./.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành*

*án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự*".

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- T.H.ADS huyện Lục Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Phan Thanh;
- Lưu HS,T.A,THS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Đỗ Quỳnh**